

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 38
8. Phụ lục	39 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 140.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 37 507 496
Fax : (84-8) 38 771 010
Mã số thuế : 0 3 0 2 2 7 1 2 0 7

Văn phòng đại diện:

Địa chỉ : C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 41).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	01 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	29 tháng 11 năm 2013	-
Ông Bùi Thế Dũng	Thành viên	10 tháng 7 năm 2008	-
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	10 tháng 12 năm 2002	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	10 tháng 12 năm 2002	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2007	-
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

03022712
CÔNG TY
CỔ PHẦN
S.P.M
TÂN TP.HỒ

00449818
CÔNG TY
ÁCH NHIỆM HỮU
FM TOÁN VÀ TƯ
A & C
SINH-TP.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0670/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần S.P.M gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 14 tháng 7 năm 2014, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		708.096.605.054	659.654.924.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.577.953.818	6.125.237.523
1. Tiền	111		4.577.953.818	6.125.237.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		92.710.219.314	93.265.648.574
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	92.710.219.314	93.265.648.574
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		545.093.459.101	519.224.723.610
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	467.466.562.314	444.120.716.950
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	6.369.014.655	8.762.913.787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	72.943.105.167	68.026.315.908
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.685.223.035)	(1.685.223.035)
IV. Hàng tồn kho	140		64.064.280.198	38.156.062.144
1. Hàng tồn kho	141	V.7	64.992.402.710	39.141.863.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(928.122.512)	(985.801.082)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.650.692.623	2.883.252.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	819.146.909	362.134.160
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		226.573.259	1.955.828.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		54.421.429	190.068.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	550.551.026	375.220.570

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		458.632.062.903	458.134.852.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		384.482.611.793	384.416.561.484
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	93.529.266.674	94.778.904.969
<i>Nguyên giá</i>	222		199.474.592.663	194.117.937.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(105.945.325.989)	(99.339.032.158)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.379.111.589	5.378.479.289
<i>Nguyên giá</i>	228		7.413.228.378	7.329.976.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.034.116.789)	(1.951.496.889)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	285.574.233.530	284.259.177.226
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.296.296.825	71.296.296.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	26.971.296.825	26.971.296.825
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	44.325.000.000	44.325.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.853.154.285	2.421.994.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.919.140.100	2.421.994.280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	934.014.185	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.166.728.667.957	1.117.789.776.771

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		479.549.042.110	459.095.292.237
I. Nợ ngắn hạn	310		256.646.208.860	236.154.197.672
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	143.296.152.919	157.254.283.109
2. Phải trả người bán	312	V.19	54.299.845.540	26.911.373.520
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	1.324.267.450	518.730.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.922.180.393	4.879.475.449
5. Phải trả người lao động	315	V.22	1.531.865.448	2.145.496.996
6. Chi phí phải trả	316	V.23	2.962.936.890	572.618.274
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	48.308.960.220	43.872.220.116
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.902.833.250	222.941.094.565
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	222.902.833.250	222.902.833.250
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	38.261.315
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		687.179.625.847	658.694.484.534
I. Vốn chủ sở hữu	410		687.179.625.847	658.694.484.534
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	346.330.627.347	317.845.486.034
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.166.728.667.957	1.117.789.776.771

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	122.500.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.261,82	1.016,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2014




Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	275.187.772.837	230.403.569.225
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	35.801.873.381	30.157.080.923
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	239.385.899.456	200.246.488.302
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	177.960.248.849	154.390.166.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.425.650.607	45.856.321.970
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.639.798.224	8.667.159.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.593.013.383	8.799.932.658
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.919.526.153	8.204.626.337
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	21.070.759.078	20.494.235.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.224.505.306	4.839.944.322
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.177.171.064	20.389.369.227
11. Thu nhập khác	31		7.884.850	67.049.821
12. Chi phí khác	32		-	100
13. Lợi nhuận khác	40		7.884.850	67.049.721
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.185.055.914	20.456.418.948
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	4.635.674.617	1.681.633.315
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(972.275.500)	108.815.316
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>28.521.656.797</u>	<u>18.665.970.317</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>2.071</u>	<u>1.356</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2014


 Nguyễn Quốc Thịnh
 Người lập biểu


 Bùi Công Sơn
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.185.055.914	20.456.418.948
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12	6.688.913.731	7.010.900.688
- Các khoản dự phòng	03	V.8	(57.678.570)	25.854.113
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	272.170.586	3.688.882
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.632.388.915)	(8.646.657.041)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.919.526.153	8.204.626.337
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.375.598.899	27.054.831.927
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.007.431.160)	(49.004.031.624)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.850.539.484)	2.000.369.850
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		30.398.584.728	(9.443.652.937)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		45.841.431	295.709.297
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23; VI.4	(6.431.871.135)	(8.647.337.919)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(1.419.327.669)	(3.269.974.526)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.110.855.610	(41.014.085.932)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, 12, 13; VII	(574.964.040)	(1.190.395.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.145.740)	(12.106.357.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		655.575.000	43.337.104.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(501.620.565)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	318.918.356	862.542.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		299.383.576	30.401.272.658

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	177.272.945.143	170.992.345.560
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(191.231.075.333)	(169.862.591.474)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(13.958.130.190)	1.129.754.086
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(1.547.891.004)	(9.483.059.188)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	6.125.237.523	10.955.373.953
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		607.299	(3.688.882)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	4.577.953.818	1.468.625.883

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2014



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán dược phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 300 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên cho thời gian làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.087 VND/USD
28.974 VND/EUR
30/6/2014 : 21.360 VND/USD
28.925 VND/EUR

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	177.160.206	65.297.370
Tiền gửi ngân hàng	4.400.793.612	5.259.940.153
Tiền đang chuyển	-	800.000.000
Cộng	4.577.953.818	6.125.237.523

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành vay với lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm	5.766.479.525	5.766.479.525
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm	49.943.739.789	50.499.169.049
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn ASV với lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	92.710.219.314	93.265.648.574

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	445.601.109.375	420.587.657.188
Các khách hàng khác	21.865.452.939	23.533.059.762
Cộng	467.466.562.314	444.120.716.950

Các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là 2.500.000,00 USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Các khoản phải thu còn lại được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	6.181.748.455	8.538.075.669
Các nhà cung cấp nước ngoài	187.266.200	224.838.118
Cộng	6.369.014.655	8.762.913.787

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lãi dự thu	57.136.391.436	52.822.920.877
Phải thu hàng giao gia công	757.650.025	622.722.463
Phải thu tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư góp vốn	14.205.000.000	14.205.000.000
Các khoản phải thu khác	844.063.706	375.672.568
Cộng	72.943.105.167	68.026.315.908

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	10.219.892.364	6.012.037.652
Nguyên liệu, vật liệu	29.504.739.098	25.542.524.811
Công cụ, dụng cụ	160.057.029	183.114.864
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.163.412.129	6.661.062.059
Thành phẩm	2.744.302.090	743.123.840
Hàng hóa	200.000.000	-
Cộng	64.992.402.710	39.141.863.226

Hàng hóa tồn trong kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(985.801.082)	(1.013.122.689)
Hoàn nhập/(dự phòng) trong kỳ	57.678.570	(25.854.113)
Số cuối kỳ	(928.122.512)	(1.038.976.802)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	493.586.409	195.681.037
Chi phí khác	325.560.500	166.453.123
Cộng	819.146.909	362.134.160

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	70.123.669.565	121.984.534.731	970.040.491	1.039.692.340	194.117.937.127
Mua sắm mới	-	2.407.581.840	-	-	2.407.581.840
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.949.073.696	-	-	-	2.949.073.696
Số cuối kỳ	73.072.743.261	124.392.116.571	970.040.491	1.039.692.340	199.474.592.663
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.422.496.468	24.445.541.618	323.060.217	1.039.692.340	28.230.790.643
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.809.264.789	78.992.343.344	497.731.685	1.039.692.340	99.339.032.158
Khấu hao trong kỳ	1.429.457.436	5.141.239.324	35.597.071	-	6.606.293.831
Số cuối kỳ	20.238.722.225	84.133.582.668	533.328.756	1.039.692.340	105.945.325.989
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.314.404.776	42.992.191.387	472.308.806	-	94.778.904.969
Số cuối kỳ	52.834.021.036	40.258.533.903	436.711.735	-	93.529.266.674
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.370.235.278 VND và 44.107.963.853 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.281.897.278	48.078.900	7.329.976.178
Mua sắm mới	-	83.252.200	83.252.200
Số cuối kỳ	7.281.897.278	131.331.100	7.413.228.378
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	48.078.900	48.078.900
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.903.417.989	48.078.900	1.951.496.889
Khấu hao trong kỳ	79.151.058	3.468.842	82.619.900
Số cuối kỳ	1.982.569.047	51.547.742	2.034.116.789
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.378.479.289	-	5.378.479.289
Số cuối kỳ	5.299.328.231	79.783.358	5.379.111.589
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.18).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	442.750.000	26.280.000	-	469.030.000
XDCB dở dang	283.816.427.226	4.237.850.000	(2.949.073.696)	285.105.203.530
- Dự án khu nhà ở Long Trường ⁽ⁱ⁾	280.807.353.530	4.237.850.000	-	285.045.203.530
- Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	-	60.000.000
- Xưởng sản xuất thuốc đông dược	2.949.073.696	-	(2.949.073.696)	-
Cộng	284.259.177.226	4.264.130.000	(2.949.073.696)	285.574.233.530

(i) Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m² tại phường Long Trường, quận 9 theo Quyết định số 10006/UBND-QLĐT của Ủy ban nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Sau đó, Công ty cổ phần S.P.M (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà ngày 14 tháng 01 năm 2010 để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 thay đổi lần thứ 02 ngày 09 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt là 37.500.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư 26.971.296.825 VND, tương đương 21,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 10.528.703.175 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư góp vốn		9.325.000.000		9.325.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng gia	675.000	6.750.000.000	675.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần được thiết bị y tế Đà Nẵng	81.000	2.025.000.000	81.000	2.025.000.000
- Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim	-	550.000.000	-	550.000.000
Góp vốn vào Công ty TNHH được phẩm Đô Thành để thực hiện dự án		35.000.000.000		35.000.000.000
- Dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Cộng		44.325.000.000		44.325.000.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phân bổ vào chi phí	Số cuối kỳ
		trong kỳ	
Công cụ dụng cụ	184.553.181	(55.365.954)	129.187.227
Bản quyền công nghệ	2.237.441.099	(447.488.226)	1.789.952.873
Cộng	2.421.994.280	(502.854.180)	1.919.140.100

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	-
Số phát sinh	934.014.185
Số cuối kỳ	934.014.185

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	18.761.096.691	37.952.889.353
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	78.444.557.275	73.424.389.759
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.488.384.063	25.475.466.047
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	20.602.114.890	20.401.537.950
Cộng	<u>143.296.152.919</u>	<u>157.254.283.109</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân trị giá 2.500.000,00 USD từ Ông Đào Hữu Hoàng và được đảm bảo bởi các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là 2.500.000,00 USD (xem thuyết minh số V.3).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình (xem thuyết minh số V.11 và V.12).

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu bình quân (xem thuyết minh số V.3).

(iv) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Thư bảo lãnh của Ông Đào Hữu Hoàng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương với giá trị là 23.061.500.000 VND; Hàng hóa trong kho và các quyền lợi liên quan hợp đồng bảo hiểm hàng hóa trong kho; Các khoản phải thu thương mại. Tổng giá trị các tài sản thế chấp vào mọi thời điểm không thấp hơn 1.000.000,00 USD (xem thuyết minh số V.3 và V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	157.254.283.109	149.911.196.269
Số tiền vay phát sinh	177.272.945.143	170.992.345.560
Số tiền vay đã trả	<u>(191.231.075.333)</u>	<u>(169.862.591.474)</u>
Số cuối kỳ	<u>143.296.152.919</u>	<u>151.040.950.355</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	34.264.230.508	13.404.776.044
Các nhà cung cấp nước ngoài	20.035.615.032	13.506.597.476
Cộng	<u>54.299.845.540</u>	<u>26.911.373.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	1.318.660.090	514.284.650
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.607.360	4.445.558
Cộng	<u>1.324.267.450</u>	<u>518.730.208</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.177.789.706	(1.037.779.966)	(2.118.791.572)	21.218.168
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	2.476.690.389	(2.507.273.806)	(30.583.417)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(190.068.674)	815.001.224	(648.770.562)	(23.838.012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.382.812.185	4.672.190.101	(1.419.327.669)	4.635.674.617
Thuế thu nhập cá nhân	205.069.400	151.483.450	(205.069.400)	151.483.450
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.804.158	3.000.000	(3.000.000)	113.804.158
Cộng	<u>4.689.406.775</u>	<u>7.080.585.198</u>	<u>(6.902.233.009)</u>	<u>4.867.758.964</u>

(*) Thuế nộp thừa đầu năm và cuối kỳ được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm 05 %
- Hoạt động khác 10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất "Xây dựng nhà máy dược phẩm mới" và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 03 năm đầu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.185.055.914	20.456.418.948
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.119.417.612	2.647.742.723
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.244.249.690)	(682.384.140)
Thu nhập tính thuế	35.060.223.836	22.421.777.531
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.713.249.244	5.605.444.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.485.725.682)	(2.242.177.753)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.591.848.945)	(1.681.633.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.635.674.617	1.681.633.315
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm trước	36.515.484	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.672.190.101	1.681.633.315

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. **Phải trả người lao động**
Tiền lương tháng 6 phải trả cho nhân viên.

23. **Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	770.482.291	282.827.273
Chiết khấu thương mại	643.324.254	-
Chi phí bù thầu	776.793.893	-
Chi phí khác	772.336.452	289.791.001
Cộng	2.962.936.890	572.618.274

24. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	280.765.315	280.765.315
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	532.251.428	636.753.776
Cổ tức phải trả	41.773.634.750	41.773.634.750
Các khoản phải trả khác	5.722.308.727	1.181.066.275
Cộng	48.308.960.220	43.872.220.116

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**25. Các khoản phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền hợp tác dự án khu nhà ở Long Trường:		
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
- Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
- Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Cộng	<u>222.902.833.250</u>	<u>222.902.833.250</u>

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	17.504.285.678	17.504.285.678
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>317.845.486.034</u>	<u>658.694.484.534</u>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	317.845.486.034	658.694.484.534
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	28.521.656.797	28.521.656.797
Các khoản điều chỉnh thuế năm trước	-	-	-	(36.515.484)	(36.515.484)
Số dư cuối kỳ	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>346.330.627.347</u>	<u>687.179.625.847</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	275.187.772.837	230.403.569.225
- Doanh thu bán hàng hóa	95.273.239.270	87.706.312.360
- Doanh thu bán thành phẩm	179.041.806.297	141.824.529.595
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	872.727.270	872.727.270
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(35.801.873.381)	(30.157.080.923)
- Chiết khấu thương mại	(2.729.484.433)	(1.720.322.007)
- Hàng bán bị trả lại	(33.072.388.948)	(28.436.758.916)
Doanh thu thuần	239.385.899.456	200.246.488.302
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	95.273.239.270	87.247.062.360
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	143.239.932.916	112.126.698.672
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	872.727.270	872.727.270

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	91.528.262.083	83.277.248.213
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	86.489.665.336	71.087.064.006
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(57.678.570)	25.854.113
Cộng	177.960.248.849	154.390.166.332

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	86.260.309.141	60.387.823.122
Chi nhân công trực tiếp	2.991.495.632	2.384.432.435
Chi phí sản xuất chung	16.508.186.498	14.826.671.926
Tổng chi phí sản xuất	105.759.991.271	77.598.927.483
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(15.502.350.070)	(9.897.074.884)
Tổng giá thành sản xuất	90.257.641.201	67.701.852.599
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(2.001.178.250)	3.933.134.438
Trừ: xuất khác	(1.766.797.615)	(547.923.031)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	86.489.665.336	71.087.064.006

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.283.159	8.131.490
Lãi tiền cho vay	4.632.388.915	8.646.657.041
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	441.576
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.126.150	11.524.656
Doanh thu tài chính khác	-	404.953
Cộng	4.639.798.224	8.667.159.716

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.919.526.153	8.204.626.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	272.170.586	4.130.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	401.316.644	511.588.700
Chi phí tài chính khác	-	79.587.163
Cộng	7.593.013.383	8.799.932.658

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	183.961.920	204.291.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.804.230	8.334.837.319
Chi phí bằng tiền khác	20.704.992.928	11.955.107.032
Cộng	21.070.759.078	20.494.235.479

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.466.957.725	2.139.583.375
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.880.110	580.783.674
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.556.443	182.807.454
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	126.869.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.993.787	913.157.360
Chi phí bằng tiền khác	1.097.117.241	896.743.459
Cộng	5.224.505.306	4.839.944.322

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.521.656.797	18.665.970.317
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.521.656.797	18.665.970.317
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.071	1.356

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.149.258.161	62.296.507.688
Chi phí nhân công	9.520.445.695	7.822.167.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.688.913.731	7.010.900.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.589.591.027	11.690.122.072
Chi phí khác	22.107.047.041	14.113.409.704
Cộng	132.055.255.655	102.933.107.284

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản và thanh toán bằng căn trừ công nợ	1.942.150.000	-
Ghi tăng giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang từ khoản tiền đã ứng trước nhà cung cấp từ các năm trước.	4.237.850.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết góp vốn

Theo thỏa thuận giữa Công ty cổ phần tập đoàn A.S.V, Công ty cổ phần S.P.M và ông Lê Toàn để góp vốn thành lập Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt, Công ty cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 125.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty đã đầu tư được 26.971.296.825 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt theo cam kết là 10.528.703.175 VND (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho vay	100.145.740	12.106.357.600
Lãi cho vay	2.648.470.559	2.829.871.724

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị và cá nhân có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải thu tiền cho vay	49.943.739.789
Phải thu tiền tạm ứng	32.921.650	44.781.650
Phải thu lãi cho vay	24.101.391.436	21.452.920.877
Cộng nợ phải thu	74.078.052.875	71.996.871.576

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 964.981.050 VND (cùng kỳ năm trước là 987.208.250 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành	Chủ đầu tư của công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH được phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm, hàng hóa	216.493.732.947	182.640.906.328
Cho thuê kho	872.727.270	872.727.270
Lãi cho vay	324.870.817	1.446.785.317
Bán dự án đầu tư dài hạn	-	20.111.030.000
Trả nợ gốc vay	-	29.862.000.000
Mua hàng hóa	2.797.308.528	1.818.181.818
Chị hộ khoản đầu tư	-	450.000.000
Bù giá do chênh lệch giá đầu thầu	4.293.998.555	6.135.238.719

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, lãi cho vay, thanh lý khoản đầu tư	445.601.109.375	420.587.657.188
Phải thu tiền cho vay	5.766.479.525	5.766.479.525
Phải thu tiền góp vốn vào dự án đầu tư	-	35.000.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>451.367.588.900</u>	<u>461.354.136.713</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải trả tiền hàng	349.321.371	2.000.000.000
Khoản bù giá do chênh lệch giá đầu thầu phải trả	776.793.893	-
Cộng nợ phải trả	<u>1.126.115.264</u>	<u>2.000.000.000</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư vào dự án bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc, Nigeria.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	237.113.062.160	194.827.578.398
Myanmar	1.736.622.563	4.507.132.337
Hàn Quốc	536.214.733	746.819.807
Nigeria	-	164.957.760
Cộng	<u>239.385.899.456</u>	<u>200.246.488.302</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH được phẩm Đồ Thành với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chiếm 95% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 95%). Các khách hàng khác có số dư dưới 3% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.577.953.818	-	-	4.577.953.818
Phải thu khách hàng	248.287.113.116	216.783.033.763	2.396.415.435	467.466.562.314
Các khoản cho vay	92.710.219.314	-	-	92.710.219.314
Các khoản phải thu khác	16.178.448.262	55.240.334.084	-	71.418.782.346
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	-	44.325.000.000
Cộng	406.078.734.510	272.023.367.847	2.396.415.435	680.498.517.792

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.237.523	-	-	6.125.237.523
Phải thu khách hàng	7.603.596.841	434.120.704.674	2.396.415.435	444.120.716.950
Các khoản cho vay	93.265.648.574	-	-	93.265.648.574
Các khoản phải thu khác	14.343.777.829	52.822.920.877	-	67.166.698.706
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	-	44.325.000.000
Cộng	165.663.260.767	486.943.625.551	2.396.415.435	655.003.301.753

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 06 tháng	Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn trên 03 năm	Cộng
Số cuối kỳ						
Phải thu khách hàng	10.000.012.276	195.329.187.743	-	11.453.833.744	-	216.783.033.763
Các khoản phải thu khác	5.192.413.207	7.120.003.393	11.058.669.486	20.190.568.312	11.678.679.686	55.240.334.084
Cộng	15.192.425.483	202.449.191.136	11.058.669.486	31.644.402.056	11.678.679.686	272.023.367.847
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	351.830.282.438	68.757.374.750	13.533.047.486	-	-	434.120.704.674
Các khoản phải thu khác	13.055.108.010	11.058.669.486	20.190.568.312	5.934.758.011	2.583.817.058	52.822.920.877
Cộng	364.885.390.448	79.816.044.236	33.723.615.798	5.934.758.011	2.583.817.058	486.943.625.551

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.261,82	-	1.016,89	-
Phải thu khách hàng	39.271,44	-	-	-
Phải trả người bán	(105.113,00)	(608.100,00)	(327.377,00)	(228.918,40)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(64.579,74)	(608.100,00)	(326.360,11)	(228.918,40)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có khoản vay với lãi suất thả nổi là 143.296.152.919 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 157.254.283.109 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.3 và V.18).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.577.953.818	-	6.125.237.523	-	4.577.953.818	6.125.237.523
Phải thu khách hàng	467.466.562.314	(1.685.223.035)	444.120.716.950	(1.685.223.035)	465.781.339.279	442.435.493.915
Các khoản cho vay	92.710.219.314	-	93.265.648.574	-	92.710.219.314	93.265.648.574
Các khoản phải thu khác	71.418.782.346	-	67.166.698.706	-	71.418.782.346	67.166.698.706
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	44.325.000.000	-	44.325.000.000	44.325.000.000
Cộng	680.498.517.792	(1.685.223.035)	655.003.301.753	(1.685.223.035)	678.813.294.757	653.318.078.718

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	143.296.152.919	157.254.283.109	143.296.152.919
Phải trả người bán	54.645.136.913	26.911.373.520	54.645.136.913	26.911.373.520
Các khoản phải trả khác	50.113.588.994	43.527.319.299	50.113.588.994	43.527.319.299
Cộng	248.054.878.826	227.692.975.928	248.054.878.826	227.692.975.928

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2014

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	143.239.932.916	96.145.966.540	-	-	239.385.899.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.239.932.916	96.145.966.540	-	-	239.385.899.456
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	44.199.959.950	(3.845.068.421)	-	-	40.354.891.529
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(5.224.505.306)
Doanh thu hoạt động tài chính					35.130.386.223
Chi phí tài chính					4.639.798.224
Thu nhập khác					(7.593.013.383)
Chi phí khác					7.884.850
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.635.674.617)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					972.275.500
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					28.521.656.797
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.754.964.040	-	-	-	6.754.964.040
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.191.767.911	-	-	-	7.191.767.911
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	112.126.698.672	88.119.789.630	-	-	200.246.488.302
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.126.698.672	88.119.789.630	-	-	200.246.488.302
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.538.168.743	(4.176.082.252)	-	-	25.362.086.491
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.839.944.322)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					20.522.142.169
Doanh thu hoạt động tài chính					8.667.159.716
Chi phí tài chính					(8.799.932.658)
Thu nhập khác					67.049.821
Chi phí khác					(100)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.681.633.315)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(108.815.316)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					18.665.970.317
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.190.395.455	-	-	-	1.190.395.455
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.010.900.688	-	-	-	7.010.900.688
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	375.660.050.949	229.912.869.466	285.045.203.530	-	890.618.123.945
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	276.110.544.012
Tổng tài sản	192.328.101.287	17.622.292.430	222.902.833.250	-	<u>1.166.728.667.957</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	432.853.226.967
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	46.695.815.143
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	<u>479.549.042.110</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370.810.778.647	173.552.117.802	280.807.353.530	-	825.170.249.979
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	292.619.526.792
Tổng tài sản	187.861.247.128	6.557.577.109	222.902.833.250	-	<u>1.117.789.776.771</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	417.321.657.487
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	41.773.634.750
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	<u>459.095.292.237</u>

ngày 14 tháng 7 năm 2014



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu